

**KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ
THANH CẢNH ĐẠI BI VƯƠNG QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT
NIỆM TỤNG NGHI QUỸ**

Hán dịch : Nước Nam Thiên Trúc, Tam Tạng Pháp sư KIM CƯƠNG TRÍ phụng
chiếu dịch (NHẤT HẠNH cầm bút ghi)

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Cúi lạy A Súc Tôn (Akṣobhya), Dũng Mãnh

Bảo Sinh Như Lai (Ratnasambhava), Hư Không Bảo

Quán Âm Như Lai (Avalokite'svara), Đạt Ma Pháp

Bất Không Thành Tự (Amoghasiddhi), Nghiệp Kim Cương

Tám Cúng NỘI, NGOẠI, Mười sáu TÔN

Bốn cửa THI HỘ, bậc tương ứng.

Ta y theo **Kinh Kim Cương Đỉnh Du Già** diễn nói về Pháp yếu tu hành LIÊN HOA ĐẠT MA (Padma Dharma) của Quán Tự Tại Vương Như Lai.

Muốn làm Lầu, Điện, Man Trà La, Chùa, Tháp của Bản Tôn. Trước tiên tụng Đà La Ni được vô lượng phước. Nếu chẳng tụng Đà La Ni này mà tùy tiện bước vào: Chùa, Xá, Điện, Tháp, ất Công Đức đã có lúc trước thấy đều bị mài diệt hết cả.

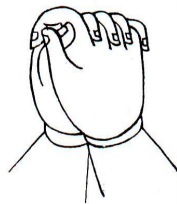
Đà La Ni là:

“Năng mô Tam mãn đà phộc nhật la nam. An, Phộc nhật la nghi bả Hồng, sa phộc hạ.”

ॐ नमो समन्त वज्रानम उ वज्र अग्ना हुम - स्वहा

NAMO SAMANTA VAJRAÑAM - OM VAJRA AGNA HÙM - SVÀHÀ.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Khai Môn Ấn**. Liên đem 2 tay kết **Kim Cương Phộc**



Tụng 3 biến **“Hồng Hồng Hồng”** (HÙM HÙM HÙM) giống như tiếng sấm cảnh giác tất cả Như Lai, Đại Liên Hoa Tộc, Kim Cương Tộc. Tự tưởng mình ngang bằng với các Đẳng ấy, trong ngoài vượt vô ngại, một niệm ý chí. Tiếp, mở cửa mỗi mỗi gia trì không ngại. Tụng Minh này tiếng **“Hồng Hồng”** (HÙM HÙM) như tiếng sấm, tưởng quán cùng nương nơi miệng mà truyền thụ.

“**Ấn- Bát ná ma - Vi**”

ॐ पद्म वी

OM PADMA VIH

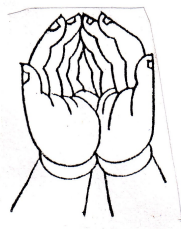
Xong phần **Trì Địa Ấn**.

Như **KIM CƯƠNG VƯƠNG ẤN**.



Lễ Chư Phật xong, y theo **TỌA ẤN** mà ngồi suy tư nhập định, quán vô lượng như Lai ngang bằng khắp Pháp giới, tự thân Hành giả đều ở ngay trong Hội ấy.

Sau đó kết **MẬT TAM MUỘI GIA ẤN**. Đặt 6 đầu ngón tay dính nhau, hơi co Tiến Lực (2 ngón trỏ) đè vắn cạnh trên của Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa), Thiên Trí (2 ngón cái) đè vắn dưới của Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt ấn trên đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

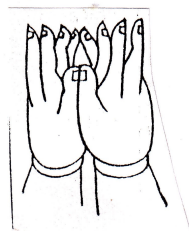
“**Ấn- Đát tha nghiệt đồ nạp bàn phộc dã sa phộc hạ**”

ॐ तथगत उदभवया स्वहा

OM TATHÀGATA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

_ Tiếp, nói về **LIÊN HOA BỘ TAM MUỘI GIA ĐÀ LA NI ẤN**.

Hai tay kết Liên Hoa Hợp Chưởng. Thiên Trí (2 ngón cái) Đan Tuệ (2 ngón út) cùng dính nhau, các đầu ngón còn lại cách nhau 1 thốn rồi đặt ấn trên lỗ tai bên phải.



Chân Ngôn là:

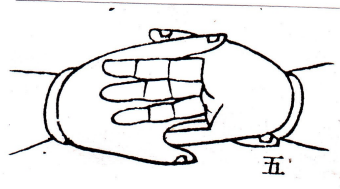
“**Ấn- Bát đầu mâu nạp bàn phộc dã Sa phộc hạ**”

ॐ पद्म उदभवया स्वहा

OM PADMA UDBHAVÀYA - SVÀHÀ

_ Tiếp, kết **NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG TAM MUỘI GIA ĐÀ LA NI ẤN**.

Đàn Trí (ngón út trái, ngón cái phải) và Thiên Tuệ (ngón cái trái, ngón út phải) lật ngược che nhau và cùng móc nhau. (ND: ngửa bàn tay phải, úp bàn tay trái rồi đặt lưng bàn tay phải đè trên lưng bàn tay trái). Bắt đầu kết ở ngay trái tim. Diệu ngôn đặt ở trên lỗ tai trái. Nói Mật ngôn ba lần xong thì bung ấn trên Luân Đỉnh (bên trái đỉnh đầu).



Mật Ngôn là:

“Ấn- Ma nhập lỗ nạp bàn phộc dã Sa phộc hạ”

ॐ वज्र उड्भवाया सूहः

OM VAJRA UDBHAVÀYA - SVÀHÀ.

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG HỘ THÂN ĐÀ LA NI ẤN.

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên trong. Dựng 2 độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như cây Phương, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) cách lưng của Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) 3 phân như hình móc câu.



Chân Ngôn là:

“Ấn- Phộc nhật la nghĩ nễ bát la niệm phát đá già Sa phộc hạ”

ॐ वज्र अग्नि प्रदीपया सूहः

OM VAJRA AGNI PRADÌPTÀYA SVÀHÀ

_ KIM CƯƠNG HỎA ĐIỂM ĐỊA GIỚI ĐÀ LA NI ẤN.

Đặt độ Nhẫn (ngón giữa trái) vào khoảng giữa của độ Lực (ngón trỏ phải) và độ Nguyệt (ngón giữa phải). Đặt độ Giới (ngón vô danh trái) vào khoảng giữa của độ Tuệ (ngón út phải) và độ Phương (ngón vô danh phải). Đưa độ Nguyệt (ngón giữa phải) từ trên lưng vào khoảng giữa độ Tiến (ngón trỏ trái) và độ Nhẫn (ngón giữa trái). Đặt phương Tiện (ngón vô danh phải) vào khoảng giữa độ Đàn (ngón út trái) và độ Giới (ngón vô danh trái). Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) chống xuống đất như đóng xỏ. Đọc Chân ngôn ba biến, tưởng như cái chày ĐỘC CỔ KIM CƯƠNG bocs lửa thấu suốt bốn bờ Kim Cương (KIM CƯƠNG TẾ).



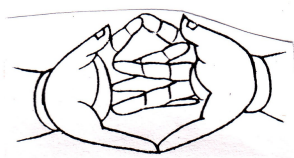
Mật Ngôn là:

“**Án- Chỉ li chỉ li phộc nhật la ma nhật lộ luật mãn đà mãn đà Hồng phát tra**”

ॐ किलि किलि वाजरा वाजरी भूरु बन्धा बन्धा हुम फट
OM KILI KILI VAJRA VAJRI BHUR BANDHA BANDHA HUM PHAT

_ KIM CƯƠNG HỎA THÀNH PHI ĐIỂM ĐIỆN GIÂN VIỆN GIỚI CHÂN NGÔN
ẤN.

Dựa vào Địa ấn lúc trước. Buông mở Thiên Trí (2 ngón cái) chuyển bên phải 8 phương, đọc Chân ngôn 3 biến, xa gần tùy ý.



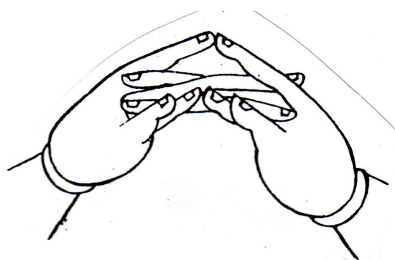
Mật Ngôn là:

“**Án- Tát la tát la ma nhật la bát la ca la Hồng phát tra**”

ॐ सरा सरा वाजरा प्रकरा हुम फट
OM SARA SARA VAJRA PRAKARA HUM PHAT

_ NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG HỎA ĐIỂM VÕNG GIỚI CHÂN NGÔN ẤN.

Cũng dựa theo Địa ấn lúc trước. Buông mở dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) che trên đỉnh đầu, đưa qua đưa lại 3 lần, tụng Chân ngôn 3 biến. Tưởng trên cái lưới rực lửa của Kim Cương đến ở đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

“**Án - Vĩ tát phổ la nại, lạc khất sái bạc nhật la bán nhạ la Hồng phát tra**”

ॐ विष्टुराद राक्ष वाजरा पम्जला हुम फट
OM - VISPHURAD RAKSHA VAJRA PAMJALA HUM PHAT

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG ĐIỂM HỎA GIỚI ẤN.

Liên đem Định Tuệ (2 tay) cùng dính cạnh bàn tay. Dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) cách nhau 3 thốn, xong theo bên phải trên đỉnh đầu. Tưởng bên ngoài tường lửa ấy rứa lửa bên trên đến ở đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

“**Án- A Tam mang nghi nễ Sa phộc hạ**”

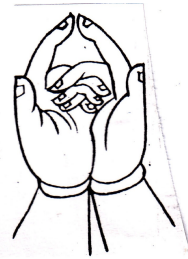
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM ASAMAMGNI SVÀHÀ

Trước kết giới này thì MA LA (Màra: Ma chướng) của 6 Dục với tất cả Tỳ Na Dạ Ca (Vinayàka) sợ hãi bỏ chạy, không có nơi để trốn nấp.

_ Tiếp, kết QUÁN ÂM BẢO XA ÁN.

Liên ngửa 2 bàn tay cùng cài nhau, chuyển đem Thiền Trí (2 ngón cái), hương Nhân Nguyện (2 ngón giữa) vào bên trong bật 3 lần, tụng Chân Ngôn.



Tưởng niệm Bản Tôn tùy nguyện đến đi vào bên trong. Niệm xong thì **bọt nổi huyền hóa** trong MẬT TÂM dừng đứng chẳng hiện. Mật Ngôn là:

“**Án – Đô lô đô lô Hồng**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM TURU TURU HÙM

_ Tiếp, kết ĐẠI LIÊN HOA ÁN.

Liên đem 2 tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng dính đầu ngón. Thiền (ngón cái trái) Nguyện (ngón giữa phải) Trí (ngón cái phải) Nhân (ngón giữa trái) đều dính nhau. Hoa sen trắng 8 cánh nở 1 khuỷu tay được đặt trên cái xe, tụng Mật ngôn 3 lần. Minh là:

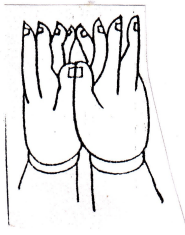
“**Án – Đô lô đô lô Hồng**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM TURU TURU HÙM

_ Tiếp, kết BÁT ĐẠI LIÊN HOA ÁN.

Đặt 2 cổ tay dính nhau, Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) cùng hợp đầu ngón rồi ngửa cứng. Tưởng như 6 độ (6 ngón tay còn lại) của hoa sen cùng lia nhau, hơi co 8 cánh sen.



Mật Ngôn là:

“An – Kiếm mang la Sa phộc hạ”

ॐ कमल स्वहा

OM KAMALA SVÀHÀ

_ Tiếp, nói về Du Già. Kết BÍ TAM MUỘI GIA ẤN.

Buộc kiên cố. Đem Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp nhau dựng cứng.



Đây là cảnh giác, tụng Mật Ngôn là:

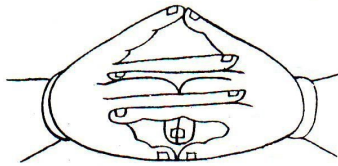
“An – Bạt chiết la bát ná ma tam ma gia tát dát phộc”

ॐ वज्र पद्म समय स्वं

OM VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT NHƯ LAI AN LẠC HOAN HỮ DUYỆT Ý TAM MUỘI GIA ẤN.

10 ngón tay buộc bền chắc. Nhấn Nguyên (2 ngón giữa) hợp nhau. Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp dựng.



Chân Ngôn là:

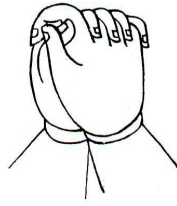
“An- Tam ma gia Hô tô la đà tát dát noan”

ॐ समयः श्रुतं स्वं

OM SAMAYA HOH SURATA STVAM

_ Tiếp, kết KHAI TÂM ẤN.

Nhập vào chữ của TRÍ KIM CƯƠNG, quán trên 2 cái vú: bên phải là chữ ĐÁT LA (𑖀-TRA) bên trái là chữ TRA (𑖂-T) như cánh cửa của cung thất. Ba nghiệp Kim Cương Thủ Thắng đồng thời phát kéo trái tim mở 2 chữ.



Mật Ngôn là:

“**Ấn – Bạt nhật la mãn đà đát tra la**”

𑖀 𑖂𑖂𑖂𑖂 𑖂𑖂

OM VAJRA BANDHA TRAT

Từ vô thủy đã huân tập chủng tử tạo nên mọi trần lao. Nay dùng TRIỆU TỘI ẤN gom chứa lại mà đập nát.

10 ngón tay buộc bên chắc. Dựng thẳng Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) như cây kim. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu. Câu tưởng triệu các tội, tưởng hình dạng của mọi tội ấy như hình luân tóc dựng. Ngược ẤN SẮC ở trái tim, va chạm xông tưng Mật Ngôn.



Vì 3 nghiệp tương ứng cho nên hay triệu các vết tích của Tội. Tụng TRIỆU TẬP này xong mới làm Pháp TỘI PHÁ (đập nát). Mật Ngôn là:

“**Ấn- Tát bà bá ba ca li sái noa, vĩ thâu đà ná Tam ma gia bạt nhật la hồng nhạ**”

𑖀 𑖂𑖂 𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂 𑖂𑖂𑖂𑖂 𑖂𑖂𑖂𑖂 𑖂𑖂𑖂 𑖂𑖂 𑖂𑖂

OM SARVA PAPA AKARṢAṆA VI'SODHANA SAMAYA - VAJRA HŪM JAḤ

Triệu vào trong lòng bàn tay xong mới làm Pháp TỘI PHÁ. Ấn trước cùng cài chéo các ngón tay bên trong, xưng HÀM (HŪM) cột trói các tội. Cùng duỗi thẳng Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) có chữ ĐÁT LẠC TRA (𑖀𑖂-TRAT) tưởng làm cái chày Kim Cương cùng vỗ như đập nát núi.



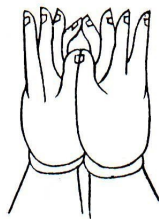
Câu cú tức (PHẦN CÚ) và hình giận dữ (NỘ HÌNH) hay tinh các nẻo ác. Tụng xong, đem Nhẫn Nguyệt vỗ 21 lần tùy theo nghi thức.

“Án – Bạt nhập la bá ni vĩ sa bố tra dã. Tát bạt bá gia mãn đà ná nĩ, bát la mẫu ngật sái dã, tát bà bá dã nghiệt để tỳ dước. Tát bà tát đát mạn, tát bà đát tha nghiệt đá bạt nhật la Tam ma gia Hồng đát la tra”

ॐ वज्रपणि वज्रकृत्य मङ्गलं पद्मं वज्रमणि वज्रकृत्य मङ्गलं पद्मं गगनः
मङ्गलं मङ्गलं मङ्गलं गगनं वज्र समयं ह्रूं ह्रूं

OM VAJRAPANĪ VISPHOTAYA - SARVA PĀYA BANDHANĀNI
PRAMOKṢAYA - SARVA PĀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MĀM -
SARVA TATHĀGATA VAJRA SAMAYA HŪM TRAT

Từ Bi trừm các tội
Triệu vào các trần cấu
Tưởng vỗ đập các Ma
Tất cả đều bị trừ
Thanh tịnh như trăng tròn
Nên quán sen tám cánh
Tưởng bên trong trái tim
Hai khuỷu tay dính nhau
Ngửa cứng như sen báu
Mười ngón tay lìa nhau
Hơi co tám cánh sen.



Mật Ngôn là:

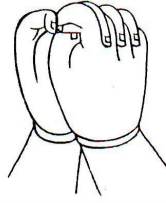
“Án – Kiếm mang la, Sa phộc hạ”

ॐ कमल स्वहा
OM KAMALA SVĀHĀ

Dùng môn Tương ứng này
Phương tiện của Phật trước

Ba nghiệp chứa các tội
 Vô lượng Chướng rất nặng
 Làm TÔI DIỆT này xong
 Như lửa đốt cỏ khô
 Hữu tình thường ngu mê
 Chẳng biết LÝ THỨ này
 Vì Như Lai Đại Bi
 Mở môn MẬT DIỆU này
 Tiếp, nên vào KẾT ÁN
 Trong chữ TRÍ NHƯ LAI
 Hai tay buộc bên chắc
 Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào trong
 Đem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Dính nhau như cái vòng
 Quán sen tám cánh trước
 Trên đó đặt chữ BÀ (𑖀- A)
 Vì ba điểm nghiêm sức
 Chữ Diệu mới là ÁC (𑖀- AH)
 Màu trắng như kha tuyết
 Phóng tỏa ngàn ánh sáng
 Tưởng dùng độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Niệm chữ an trong tim
 Ba nghiệp cùng vận dụng
 Tụng Mật Ngôn này:
“Án- Bạt chiết la phệ xả ÁC”
 𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀
 OM VAJRA AVI'SA AH

Đã tưởng vào trong tim
 Tự tưởng như quang diệu
 Đây tức PHÁP GIỚI THỂ
 Hành giả nên quán đầy
 Chẳng lâu ngộ tịch tĩnh
 Pháp vốn chẳng hề sinh
 Chư Như Lai ba đời
 Thân, Khẩu, Ý Kim Cương
 Đều dùng phương tiện khéo
 Giữ tại Kim Cương quyền
 Dùng dây đóng cửa tâm
 Chữ Trí được bền chắc
 Liền co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Trụ ở lưng Thiên Trí (2 ngón cái)



Đem Ấn chạm ngực xong
 Liên tụng Diệu Ngôn này
“Ấn- Bạt nhật la mẫu sắt trí Hàm”

ॐ वज्रमुष्टिवाम
 OM VAJRA MUṢṬI VAM

_ Tiếp, kết TỊCH TRỪ KẾT GIỚI ẤN

Liên đem 2 tay đặt ngay trái tim khiến Giới Phương (2 ngón vô danh) cùng cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái. Dựng 2 độ Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) như cây Phướng. Tiếp, đem Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc Giới Phương (2 ngón vô danh). Thiền Trí (2 ngón cái) Đan Tuệ (2 ngón út) cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là:”

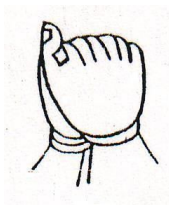
“Ấn- A mật lật đổ ná bà phộc Hồng phát tra”

ॐ अमृत उद्भवामुषट्
 OM AMṚTA UDBHAVA HUMI PHAT

Người tác Pháp này sẽ được Đức Đại Bi Quán Âm hóa thành MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG gia bị cho mau chóng thành Phật. Đã làm KẾT GIỚI này, chuyển bên trái 3 vòng để TỊCH TRỪ điều chẳng lành, chuyển bên phải 3 vòng thì tùy ý xa gần dùng làm KẾT GIỚI.

Tiếp, kết GIA TRÌ xong
 BỐ TỰ tưởng chân dung
 Đặt QUÁN ÂM nơi ẤN
 Chữ HIỆT LỊ (ॐ _HRÌḤ) rõ ràng
 Chữ này đều ứng hiện
 Rộng ở trong vành trăng
 Tỏa ánh hào quang trắng
 Quay lại thu nhỏ dần
 Chắp hai tay ngay tim

Mười ngón cùng cài trong
Rút Thiên (ngón cái trái) dựng thẳng vịn



Ấn kết trái đỉnh đầu
Hai mắt trước tiên theo
Hai bắp tay, tim, rốn
Trong gôi đến trái buồng
Tụng Mật Ngôn này là:
“**Ấn- A lố lực Sa phộc hạ**”
ॐ ऋत्ल्लिक् स्वहा
OM AROLIK SVÀHÀ

_ Tiếp, Kết KHẾ dùng an bày ngay trên thân của mình. Liên tự tưởng thân giống như Đức Đại Bi Quán Âm có 32 tướng và 80 vẻ loại tùy hình tốt đẹp của Đức Như Lai, tỏa ánh hào quang màu vàng tía viên mãn chung quanh thân. Sẽ được sự gia bị của Như Lai. Tưởng như vậy xong, đem tay KHẾ chạm trên đỉnh đầu an bày chữ ÁN (ॐ - OM), chạm vầng trán an bày chữ A (ॐ - A), chạm mắt an bày chữ LỐ (ॐ - RO) trên hai con mắt phải trái, y theo thứ tự cho đến hai bàn chân đều dùng chạm và an bày.

Tưởng ÁN (ॐ - OM) an trên đỉnh
Màu trắng như mặt trăng
Tỏa vô lượng ánh sáng
Trừ diệt tất cả Chương
Liên đồng Phật, Bồ Tát
Xoa trên đỉnh người ấy
Tưởng A (ॐ) an trên trán
Có màu sắc vàng chóa
Chiếu soi các u ám
An LỐ (ॐ - RO) trên hai mắt
Màu như lưu ly Cam
Hay hiển các sắc tướng
Dần đủ TRÍ NHƯ LAI
Tưởng LỰC (ॐ - LIK) an hai vai
Màu như lụa trắng sáng
Giống như Tâm Thanh tịnh
Mau đạt Đạo Bồ đề
SA PHỘC (ॐ - SVÀ) an tim, rốn
Hình trạng làm màu đỏ
Thường hay tưởng chữ đó

Mau được Chuyển Pháp Luân
Chữ HA (𑖇 - HÀ) hai bàn chân
Màu như mặt trăng tròn
Hành giả tác tướng ấy
Mau đạt được VIÊN TỊCH

_ Như vậy Bồ tát tướng nhớ màu
Liên thành Pháp môn Đại Bi Thắng
Cũng là tướng chân thật Bản Tôn
Hay diệt các Tội được Cát Tường
Giống như Kim Cương kiên cố tụ
Đấy là Pháp Đại Bi Thắng Thượng
Nếu thường như vậy mà tu hành
Nên biết người đó mau thành tựu (TẤT ĐỊA)
Tụng ba biến Tịnh châu (làm Tràng hạt thanh tịnh)

Xong dùng tâm của mình tưởng trong miệng Đức Quán Thế Âm Đại Bi Thiên Thủ tuôn ra văn tự của Diệu ngôn Đại Bi tỏa ra ánh sáng 5 màu nhập vào trong miệng của Hành giả đi đến vành trăng của trái tim rồi an bày xong theo bên phải. Liên tụng Chân ngôn của Bản Tôn 1 biến. Dùng ngón vô danh của tay phải lần mỗi một hạt châu. Khi quá vòng thì quay trở lại lần như trước, chẳng gấp chẳng chậm, chẳng được cao giọng, nên rõ ràng từng chữ và khiến cho con mắt nhìn thấy đủ số chữ niệm tụng đã được an bày trên thân của mình với Bản Tôn. Ở trong 1 niệm nên quán thấy 1 lúc chẳng được thiếu sót khiến tâm tán loạn. Nếu quán niệm đã mệt mỏi thì tùy theo sức mà niệm tụng. Hoặc 100, 200, 300 cho đến 500, 1000 biến ... thường lấy một số làm hạn định. Nếu có duyên sự cũng chẳng được giảm bớt số. Đến 108 lần xong thì buông tràng hạt xuống. Đây gọi là THANH NIỆM TỤNG (niệm tụng ra tiếng).

Nếu cầu giải thoát xa lìa sinh tử thì tác TAM MA ĐỊA DU GIÀ QUÁN HẠNH. Pháp này không có hạn định biến số niệm trì. Tức trái tim của mình giống như vành trăng tròn đầy cực sáng trong sạch, trong ngoài rõ ràng. Đem chữ ÁN (𑖇) đặt ở chính giữa vành trăng rồi an bày ÁN A LỒ LỰC CA SA PHỘC HA (𑖇 𑖀𑖃𑖄𑖅 𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁

Bên trên Ấn nâng hoa rồi rải tán mà cúng dường. Liền nên nói là: “TÂM PHÁP MÔN này là yếu lĩnh bí mật của tất cả Như Lai. Hãy cẩn thận đừng coi thường mà nói cho người khác. Nếu phạm sẽ phá TAM MUỘI GIA của người. Nay Ta vì người mà nói về NGHĨA của nó. Bây giờ người hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ.

Chữ A (𑖀) có nghĩa là VÔ SINH, cũng có nghĩa là TRÍ TỊCH TĨNH của tất cả Như Lai.”

LỖ TỰ MÔN (𑖁): Là nghĩa VÔ HÀNH ở tất cả Pháp, cũng là nghĩa VÔ KHỞI TRÚ trong tất cả Như Lai Pháp.

LỰC TỰ MÔN (𑖂𑖃): có nghĩa là VÔ ĐẲNG GIÁC của tất cả Như Lai. Cũng có nghĩa là Vô Trụ (không đứng), Vô Khứ (không đi) Vô Thủ (không nắm giữ) Vô Xả (không buông bỏ).

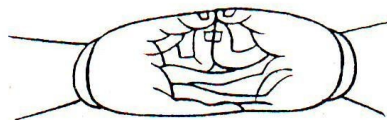
SA PHỘC TỰ MÔN (𑖄): Có nghĩa là Vô Đẳng, Vô Ngôn thuyết của tất cả Như Lai.

HA TỰ MÔN (𑖅): có nghĩa là “Vô nhân tịch tĩnh, vô trụ Niết Bàn” của tất cả Như Lai.

Đã nói về nghĩa của chữ. Tuy lập văn tự đều là nghĩa không có văn tự. Đã không có văn tự nên phải chân thật quán tưởng của mỗi một nghĩa, vòng khắp mà lại bắt đầu không có hạn kỳ, không có hạn số và chẳng được cắt đứt. Chẳng được cắt đứt là nghĩa Tối Thắng của **“Lưu chú chẳng sinh chẳng diệt”**. Do nghĩa chẳng sinh chẳng diệt nên không có Hành. Do nghĩa không có Hành nên không có Tướng. Do nghĩa không có Tướng nên không có Khởi trú. Do nghĩa không có Khởi trú nên không có Đẳng giác. Do nghĩa không có Đẳng giác nên không có Thủ xả. Do nghĩa không có Thủ xả nên Bình đẳng vô ngôn thuyết. Do nghĩa Bình đẳng vô ngôn thuyết nên Vô nhân Tịch tĩnh Vô trụ Niết Bàn. Do nghĩa Tịch tĩnh Vô trụ Niết Bàn nên chẳng sinh chẳng diệt, tối thắng không có cắt đứt, vòng khắp mà lại bắt đầu. Đây gọi là TAM MA ĐỊA NIỆM TỤNG THỨ ĐỆ ĐẠI THỪA THÀNH TỰU PHÁP MÔN.

_Tiếp, kết TAM MA ĐỊA ẤN.

Ngửa 2 bàn tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng chung lưng. Dựng Thiên Trí (2 ngón cái) vịn đầu ngón Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt bên trên bàn chân.



Hành giả tiếp nên tu A SA PHẢ NA GIÀ Tam Muội. Ngồi ngay thẳng, chỉnh thân thể ngay ngắn, không cho lay động. Lưỡi trụ ở trên nóc họng, ngưng hơi thở ra vào khiến

cho hơi thở thật nhẹ nhàng, chân thật quán **“Các Pháp đều do TÂM, tất cả phiền não với Tùy phiền não, Uẩn, Giới nhập ... đều như quán năng, như thành Càn Thát Bà, như vòng lửa chuyển xoay, như tiếng vang dội trong hang động rộng không”**. Quán như vậy xong chẳng thấy thân tâm, trụ nơi sự vắng lặng không có Tướng và Bình đẳng dùng làm Trí cứu cánh chân thật.

Bấy giờ liền quán trong hư không có vô số Chư Phật giống như hạt mè tràn khắp đại địa. Chư Phật đều duỗi cánh tay màu vàng ròng, búng ngón tay cảnh giác rồi bảo rằng: **“Này Thiện nam tử! Nơi chứng của người chỉ là một đạo thanh tịnh chứ người chưa chứng được TRÍ TÁT BÀ NHÃ của KIM CƯƠNG DỤ TAM MUỘI GIA đâu! Người đừng cho là đủ. Khi xưa, PHỔ HIỀN dùng sự MÃN TỨC mới Thành Tới Chính Giác.”**

Hành giả nghe lời cảnh giác xong. Ở trong ĐỊNH lễ dưới chân của tất cả Đức Phật **“Nguyện xin Đức Như Lai chỉ nơi hành xử của con.”**

_ Chư Phật đồng âm nói:

“Người nên quán TÂM mình”

_ Vừa nghe lời đấy xong

Như giáo quán TỰ TÂM

Trụ lâu quán sát kỹ

Chẳng thấy tướng TÂM mình

Lại tưởng lễ chân Phật

Tự nói: **“Tới Thắng Tôn!**

Con chẳng thấy TÂM mình

Đây, tướng nào của TÂM? ! ...”

_ Chư Phật thương bảo rằng:

“Tướng TÂM đo khó lường

Truyền cho TÂM CHÂN NGÔN

Như LÝ quán kỹ TÂM”

“Án – Tam ma địa Bát ná mê hiệt lệ”

ॐ समधि पद्मे ह्रीं

OM - SAMADHI PADME HRİH

Từng hơi thở ra vào, mỗi mỗi phải rõ ràng quán vô lượng Chư Phật trong hư không cùng 1 lúc búng tay cảnh giác hành giả rồi bảo rằng: **“Nay người thành Vô Thượng Giác như thế nào? Sao chẳng biết Pháp yếu của Chân tướng Chư Phật?”**

Bấy giờ Hành giả được cảnh giác xong liền bạch với Chư Phật rằng: **“Thế nào gọi là chân thật? Nguyện xin Như Lai vì con mà giải nói.”**

Lúc đó, Chư Phật bảo Hành giả rằng: **“Lành thay! Lành thay! Người có thể hỏi như vậy! Người nên tưởng trong trái tim có chứa chữ ÁC (𑖅 - ÀH) trong suốt rõ ràng nơi TÂM. Mật Ngôn là:**

“Án- Chất đà bát la để vị năng ca lộ nhĩ”

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

OM - CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Nên tụng thầm 1 biến, liền tưởng vành trăng như ở trong đám sương mù mỏng nhẹ.
Vì muốn vành trăng ấy được trong sáng cho nên:

Niệm tụng liền thấy TÂM

Viên mãn như trăng tròn

Lại tác suy tư là:

“TÂM này là vật gì?

Phiền não gom chủng tử

Thiện ác đều do TÂM

TÂM là A LẠI GIA (Àlaya Vijñāna)

Trong sạch dùng làm NHÂN

Vì huân tập Sáu Độ

Tâm ấy là ĐẠI TÂM

Tạng thức vốn chẳng nhiễm

Trong sạch không cấu uế

Lâu dài gom phước trí

Ví như trăng tròn tịnh

Không THỂ cũng không SỰ

Liền nói chẳng phải Trăng

Do đầy đủ Phước Trí

Tự tâm như trăng tròn”

Tâm hơn hử vui vẻ

Lại bạch: “Các Thế Tôn!

Con đã thấy TÂM mình

Thanh tịnh như trăng tròn

Lìa các phiền não cấu

Các Ngã chấp, Sở chấp ...”

_ Chư Phật đều bảo rằng?:

“Tâm người vốn như vậy

Vì khách trần lấp che

TÂM BỒ ĐỀ là TỊNH

Người quán vành trăng tịnh

Được chứng TÂM BỒ ĐỀ

Truyền TÂM CHÂN NGÔN này

Mật tụng mà quán sát

“Án- Mạo đề chất đa mẫu dát bá ná gia nhĩ”

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

OM - BODHICITTAM UTPADA YAMI

Nguyện gia trì kiên cố
_ Tất cả Chư Phật nghe
Lời Kim Cương giới xong
Vào hết trong Kim Cương
Liên nói KIM CƯƠNG TÂM
_ Chân Ngôn là:
“Án- Tăng hạ la bát nạp ma”
ॐ संद्व [पद्म
OM SAMHARA PADMA

Như vậy, Chư Phật Như Lai ở tất cả thế giới đều tùy theo hoa sen mà thu nhỏ lại ngang bằng với bản thân. Liên biến sắc thân thành Đức **VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT** với thân màu pha lê hồng tỏa ra ánh hào quang lớn.

Chư Phật đại danh xưng
Vừa nói **MINH** đó xong
ĐẰNG GIÁC KIM CƯƠNG GIỚI
Liên nói Trí chân thật
_ Thời các Như Lai ấy
Gia trì kiên cố xong
Chuyển từ Kim Cương ra
Trụ khắp ở hư không
Hành giả tác niệm là:

“Đã chứng KIM CƯƠNG ĐỊNH
Liên đủ TẤT BÀ NHÃ (Sarva jñā_Nhất Thiết Trí)
Ta thành CHÍNH ĐẰNG GIÁC”

Vì khiến chứng **BÁT ĐỊA** cho nên kết **KIM CƯƠNG TAM MUỘI GIA ẤN** dùng làm Tòa Kim Cương Liên Hoa.

Tự thân Hành giả là Như Lai
Lại sợ tán loạn mà thất thoát (lui mất)
Tiếp tác **GIA TRÌ BÍ MẬT ẤN**
Nhấn Nguyện sáu độ (2 giữa, 2 vô danh, 2 út) cài bên ngoài
Hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ như sen
Kèm đứng Thiền Trí (2 ngón cái) tưởng như Phướng.



Ấn tim với trán, họng và đỉnh

Đều tụng một biến xong gia trì
Tùy **Sở Chân Ngôn Diệu Thỉnh Ấn**
Mỗi mỗi tướng thành chữ HỘT LỊ (𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 – HRĪḤ)

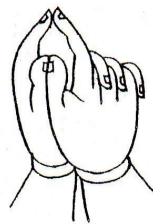
_ Mật Ngôn là:

“An, phật nhật la đạt ma, Hộ lị”

𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬

OM - VAJRA DHARMA - HRĪḤ

Liên tưởng các Như Lai trên không
Cầm HỮ KHÔNG BẢO rưỡi đỉnh ta
Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Phộc
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) như hình bấu.



Đem ấn trên trán gia trì xong
Trên đầu đội mũ **NGŨ PHẬT TRÍ**

_ Mật Ngôn là:

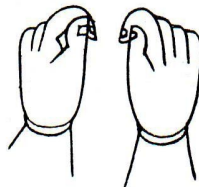
“Án- Bát ná ma la dát ná A tỳ trừ giả tát phộc hàm hộ lị dát lạc”

𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬

OM - PADMA RATNA ABHISIMCA SVAMAM HRĪḤ TRÀḤ

_ Tiếp, kết **HOA MAN ẤN**

Đem hai tay lúc trước để ngang trái tim. Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào trong Bản Nguyệt (lòng bàn tay). Sáu độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) đều nắm quyền. Từ vầng trán chia hai tay buộc quanh đến sau đỉnh (ót) kết Liên Hoa Quyền như thế cột vòng hoa, từ từ hạ xuống rồi buông ra giống như thế rũ dây đai.



_ Mật Ngôn là:

“Án – Bát ná ma la dát ná ma lệ Hàm”

𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬 𑖦𑖯𑖳𑖪𑖫𑖬

OM - PADMA RATNA MÀLE HÙM

_ Tiếp, kết **NHẤT THIẾT TỪ GIÁP ẤN**

“**Án – Bát ná ma cú xá hồng nhạ**”

ॐ पद्म अम्कुसा हुम जह

OM - PADMA AMKU'SA HÙM JAḤ

Tụng Mật ngôn này 3 biến, Tiến độ (ngón trỏ trái) 3 lần triệu, thì **chân thân của Bồ Tát** sẽ tương ứng mà đến.

_ Tiếp, kết **KIM CƯƠNG SÁCH ĐẠI ÁN** dẫn vào ở **TRÍ THỂ** của **TÔN THÂN** (thân Bản Tôn)

Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Hai độ Thiền (ngón cái trái) Tiến (ngón trỏ trái) cùng dính nhau.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án – Bát ná ma A mẫu giá bán xả Hồng**”

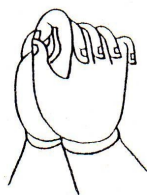
ॐ पद्म अमोघा पासा हुम

OM - PADMA AMOGHA PÀ'SA HÙM

Tướng thân Bồ Tát đi đến vào tượng vẽ.

_ Tiếp, kết **KIM CƯƠNG CÂU TỎA ÁN** hay khiến cho Bản Tôn đều trụ bền chắc.

Thiền (ngón cái trái) Tiến (ngón trỏ trái) Lực (ngón trỏ phải) Trí (ngón cái phải) cùng móc kết. Đây gọi là **KIM CƯƠNG NĂNG CHỈ ÁN**.



Tụng Mật Ngôn này là:

“**Án – bát ná ma tác phổ tra Hùm**”

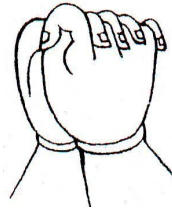
ॐ पद्म स्फोटा हुम

OM PADMA SPHOTA HÙM

Tác Pháp này xong thì **Bản Tôn Thánh Giả** gia trì không tan.

_ Tiếp, kết **KIM CƯƠNG DIỆU KHÁNH ÁN**, hay khiến cho Chư Thánh đều vui vẻ.

Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào Kim Cương Phộc, co đều Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn nhau như cái vòng. Đây là **KIM CƯƠNG HOAN HỖ ÁN**.



Tụng Mật Ngôn là:

“Án – Bát ná ma phệ xá Hồng”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

OM - PADMA AVI'SA HUM

Tác Pháp này thì tất cả Chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn Thánh giả đều vui vẻ.

_ Tiếp, kết Ứ GIÀ THỦY ĐÀ LA NI ÁN.

Dem Uất Kim Hương, Long Não Hương, Bạch Đàn Hương, nước, hòa chung chứa đầy trong bình Ứ GIÀ rồi dâng lên cúng dường.

_ Tiếp, tác Ứ GIÀ KHẾ

Liên đem 2 tay vào ngang trái tim. Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) ngửa duỗi thẳng. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn móng Thiền Trí (2 ngón cái).



Tụng Mật Ngôn này là:

“Án – Đế lệ bột đà Sa phộc hạ”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

OM - TERALE BUDDHA SVÀHÀ

Tác cúng dường này dùng nước Cam Lộ Kim Cương của tất cả Như Lai rưới lên đỉnh đầu của tất cả chúng sinh nhằm diệt trừ vô lượng nghiệp chướng của hữu tình. Người uống nước này hay trừ các tai họa. Do kết Ứ GIÀ cúng dường và dâng mọi nước thơm Ứ GIÀ tưởng tắm thân Vô Cấu của Chư Thánh sẽ được QUÁN ĐỈNH PHÁP VÂN ĐỊA.

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT NHƯ LAI BÁCH TỰ ĐÀ LA NI ÁN.

10 ngón tay buộc bền chắc, kèm cứng Thiền Trí (2 ngón cái).

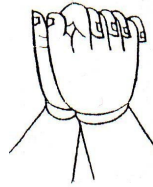


Mật Ngôn là:

Tác Pháp này như đem tất cả Trí tuệ của Như Lai cúng dường Chư Phật dùng làm du hý. Do đem hỷ hý cúng dường cho nên chẳng bao lâu sẽ chứng Kim Cương Định.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG HOA MAN ÁN quán đám mây tràng hoa màu nhiệm tràn đầy khắp Pháp giới.

Chẳng sửa Án lúc trước, dâng lên trước mặt tướng vòng hoa báu dùng nghiêm phòng.



Tụng Chân Ngôn này là:

“Án- Bát ná ma Ma lệ đát la Tra”

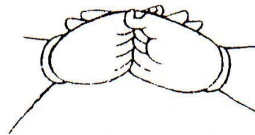
ॐ ८३१ ३३१ ३

OM PADMA MÀLE TRAT

Tác Pháp này như đem vòng hoa Bồ đề mà cúng dường. Do dùng vòng hoa Kim Cương cúng dường sẽ được trao truyền Vương vị của Pháp quán đỉnh.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG CA VỊNH ÁN tán dương Phước Trí của Như Lai. Chân thành quán tưởng tốt, vận âm trong trẻo, dùng khế NHƯ NHƯ TÍNH LÝ, khởi Án Ca Vịnh của Kim Cương này dùng âm thanh màu nhiệm ca ngợi Phật Trí.

Án như trước, đem từ rốn đến miệng rồi buông ra nhằm diễn âm nhạc màu nhiệm làm vui cho Thánh Tôn.



Tụng Chân Ngôn này là:

“Án- Bát ná ma nghĩ đế nghĩ”

ॐ ८३१ १११ १

OM PADMA GÌTE GÌH

Tác Pháp này như đem tất cả Mật ngôn Ca Vịnh của Như Lai mà cúng dường, chẳng bao lâu sẽ được Như Lai Biện.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG VŨ DIỆU ÁN quán đám mây diêu cổ (các trống màu nhiệm) cúng dường khắp.

Hai tay Định Tuệ đều xoay múa từ hông sườn bên phải, hông sườn bên trái rồi đến trái tim. Mỗi mỗi Tiến Lực (2 ngón trở) xoay vòng 3 lần, Chân ngôn Tiệm Luân (xoay vòng dần dần đọc Chân Ngôn) lên trên đỉnh rồi buông Án.



Tụng Mật Ngôn này là:

“Án- Bát ná ma Nễ lệ đế Ngật lệ tra”

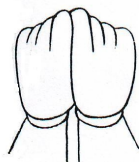
ॐ पद्म नृत्ये कृत

OM PADMA NRITYE KRṬ

Tác Pháp này như đem tất cả Biện tài của Như Lai mà cúng dường. Do dùng điệu múa màu nhiệm cúng dường cho nên sẽ được Ý SINH THÂN của Như Lai.

_ Tiếp, kết PHẦN HƯƠNG NGOẠI CÚNG DƯỜNG xông ướp khắp Hải Hội của Phật.

Hoà hợp Kim Cương, đưa xuống dưới buồng chưởng, tưởng đám mây hương màu nhiệm tràn khắp Pháp giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

“Án- Bát ná ma độ bế ÁC”

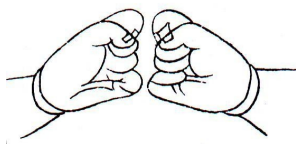
ॐ पद्म धुपे अह

OM PADMA DHUPE ÀḤ

Tác Pháp này như đốt tất cả hương màu nhiệm của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho tất cả hữu tình được quả Thanh tịnh. Do dùng hương đốt cúng dường nên liền được Trí Vô ngại màu nhiệm.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG TÁN HOA ẤN để trang nghiêm thế giới.

Kết Ấn đưa lên trên buồng tán như giỡn hoa. Đám mây hoa bay phới phới thơm phức tràn khắp Pháp giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

“Án- Bát ná ma bồ sát bế”

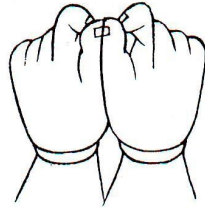
ॐ पद्म पुष्पे (ॐ)

OM PADMA PUṢPE (OM)

Tác Pháp này như đem tất cả hoa màu nhiệm của Thế gian mà cúng dường, hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu 32 tướng CỤ TÚC của Như Lai. Do kết hoa Kim Cương cúng dường nên mau chóng chứng 48 tướng Như Lai.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG ĐĂNG MINH ẤN chiếu rọi khắp PHẬT HỘI, hợp ánh sáng hiển hiện.

Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) dính nhau như hình bấu. Đem Thiền Trí (2 ngón cái) lúc trước đặt gần sát Kim Cương Phộc. Ánh sáng đèn MA NI chiếu rọi khắp Pháp giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án- Bát ná ma nễ bế nễ**”

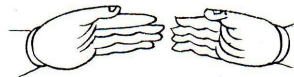
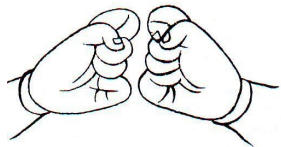
ॐ पद्मदिपे दिः

OM PADMA DĪPE DĪḤ

Tác Pháp này như đem tất cả đèn Trí (Trí đăng) của Như Lai mà cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu Trí Tuệ của Như Lai. Do dùng đèn Kim Cương cúng dường sẽ mau đầy đủ 5 loại mắt của Như Lai.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG ĐỒ HƯƠNG dùng cúng dường các Phật Hội.

Buông tán Kim Cương Phộc như xoa hương. Hơi thơm (hương khí) tràn khắp 10 phương giới.



Chân Ngôn là:

“**Án- Bát ná ma hiến đề ngược**”

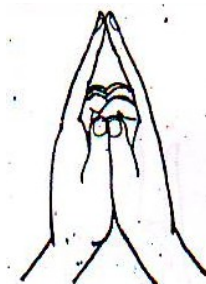
ॐ पद्मगन्धे गः

OM PADMA GANDHE GAḤ

Tác Pháp này như đem tất cả hương THI LA TRÍ (‘Sila-jñāna) của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được GIỚI THÂN THANH TĨNH. Do kết KIM CƯƠNG HƯƠNG ẤN được đủ 5 phần Pháp thân. Như vậy rộng làm Phật sự.

_ Tiếp, nên chân thành quán tác niệm tụng. Trước tiên nên 1 duyên quán Bản Tôn, 4 MINH dẫn vào nơi Tự Thể (Thể của mình) TRÍ NHÂN và TÔN không có hai (VÔ NHI), uy nghi sắc tướng đều như nhau. Chúng Hội quyền thuộc đều vây quanh, trụ ở Viên Tịch Đại Kính Trí.

Hai tay Định Tuệ kết Kim Cương Phộc. Dựng hai độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây Phướng.



Liên tụng QUÁN ÁN CĂN BẢN MINH, thân ở vành trăng đồng với TÁT ĐỎA.
Tụng Chân Ngôn này là:

“ **Án- Lộ kế thấp phộc la la nha, Hiệt li**”

ॐ लोकेस्वरा राजा ह्रीं

OM - LOKE'SVARA RAJA HRİH

_ Tiếp, nói QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM NỂ LA KIẾN
THA ĐÀ LA NI là:

1. **Ná mộ la đất ná đất la dạ đã** (NAMO RATNATRÀYÀYA)
2. **Ná mô A li gia** (NAMAḤ ÀRYA)
3. **Phộc lộ chỉ đế thấp phộc la đã** (AVALOKITE'SVARÀYA)
4. **Mạo đề tát đất phộc đã** (BODHISATTVÀYA)
5. **Ma hạ tát đất phộc đã** (MAHÀ SATTVÀYA)
6. **Ma hạ ca lỗ ni ca đã** (MAHÀ KARUṆIKÀYA)
7. **Tát bà mãn đà na** (SARVA BANDHANA)
8. **Thế ná ná ca la đã** (CCHEDANA KÀRÀYA)
9. **Tát ma bá phộc** (SARVA BHAVA)
10. **Tam mãn lộ lộc sa noa** (SAMUDRAM SUKṢANA)
11. **Ca la đã** (KÀRÀYA)
12. **Tát phộc di dạ** (SARVA VYA)
13. **Đề** (DHI)
14. **Bát la xả ma ná ca la đã. Tát vi đề dụ bả nại la phộc** (PRA'SAMANA KÀRÀYA _ SARVA TITYU BHANDRAVA)
15. **Vĩ ná xá ná ca la đã** (VINA'SANA KÀRÀYA)
16. **Tát ma bá duệ số giả, đất la noa ca la đất tả** (SARVA BHAYEṢYO TÀRÀṆA KÀRÀ_ TASMAI)
17. **Ná ma tắc ngật li đá phộc** (NAMASKṚTVÀ)
18. **Ế hàm A li gia** (IMAM ÀRYA)
19. **Phộc lộ chỉ đế** (AVALOKITE)
20. **Thấp phộc la** ('SVARA)
21. **Đất la nể la kiến tha na ma** (LAMTABHA _ NÌLAKAṆṬHA NÀMA)
22. **Hiệt li đà gia ma mặt đá dĩ sử dạ nhĩ** (HRDAYA MABRATA ICCHYAMI)
23. **Tát ma li đã sa đà năm thú bá** (SARVÀRTHA SÀDHANAM 'SUDDHAM)
24. **A chất điểm tát ma bộ đá năm** (AJIYAM SARVA BHÛTANAM)
25. **Bá phộc mặt li nga** (BHAVA MÀRGA)

26. **Vĩ thú đà, Kiếm** (VI'SUDDHAKAM)
27. **Đát nễ dã tha** (TADYATHÀ)
28. **ÁN** (OM)
29. **A lộ kế** (ÀLOKE)
30. **A lộ ca ma đế** (ÀLOKA MATI)
31. **Ca loan đế** (KRAMTE)
32. **Tứ tứ ha lệ** (HE HE HÀRE)
33. **Ma ha bồ đề tát đỏa** (MAHÀ BODHISATTVA)
34. **Hê mạo đề tát đá phộc** (HE BODHISATTVA)
35. **Hê ma ha mạo đề tát đá phộc** (HE MAHÀ BODHISATTVA)
36. **Hê bát lệ gia** (HE VÌRYA)
37. **Mạo đề tát đá phộc** (BODHISATTVA)
38. **Hê ca lỗ nê ca** (HE KÀRUṆIKA)
39. **Sa ma la Khất lệ ná diên** (SMARA HRDAYAM)
40. **Tứ tứ ha lệ** (HE HE HÀRE)
41. **A lộ gia phộc lộ chỉ đế** (ÀRYA AVALOKITE)
42. **Thấp phộc la ma tố nê phộc la một đát la** ('SVARA MAHE'SVARA MAITRA)
43. **Chất đa** (CITTA)
44. **Ma ha lỗ ni ca** (MAHÀ KÀRUṆIKA)
45. **Cú lỗ cú lỗ yết hàm** (KURU KURU KARAM)
46. **Sa đà dã, Sa đà dã** (SÀDHAYA SÀDHAYA)
47. **Vĩ niệm** (VIDYA)
48. **Nê tứ nê tứ mê phộc lam** (NIHE NIHE ME VARAM)
49. **Ca hàm nga ma** (KÀMAM GAMA)
50. **Vĩ dưỡng nga ma** (VIYAM GAMA)
51. **Vĩ dưỡng nga ma** (VIYAM GAMA)
52. **Vĩ nga ma** (VIGAMA)
53. **Tát bà dụ nghệ thấp phộc la** (SARVA YOGESVARA)
54. **Độ lỗ độ lỗ vĩ gia đế** (DHURU DHURU VIYANTI)
55. **Ma ha vĩ gia đế** (MAHÀ VIYANTI)
56. **Đà la** (DHÀRA)
57. **Đà lê nại lê Thấp phộc la – Giả la vĩ ma la mẫu lật đế** (DHÀRE INDRE'SVARA_ CALA VIMALA AMṚTE)
58. **A lệ dã phộc lộ chỉ đế** (ÀRYA AVALOKITE)
59. **Thấp phộc la nhĩ ná** ('SVARA JINA)
60. **Ngật lệ sắt noa** (KṚṢṆA)
61. **Nhạ tra ma cú tra phộc lam ma** (JAṬA MAKUṬA VARAMMA)
62. **Bát lam ma** (PRARAMMA)
63. **Ma ha tát đà** (MAHÀ SIDDHA)
64. **Vĩ nễ gia** (VIDYA)

65. **Mạt la mạt la ma ha mạt la** (MALA MALA MAHÀ AMALA)
66. **Giả la giả la ma ha giả la** (CALA CALA MAHÀ ACALA)
67. **Ngật li sắt noa phộc li noa** (KRṢṢṢA VRṢṢA)
68. **Ngật li sắt noa bác xoa nễ già đát na** (KRṢṢṢA PAKṢA DIRGHATANA)
69. **Hê ha ná ma** (HE PADMA)
70. **Hạ sa đá** (HASTA)
71. **Giả la giả la** (CARYA CARYA)
72. **Nễ xá giả lệ Thấp phộc la** (NÌ'SA CARYA'SVARA)
73. **Ngật li sắt noa tát bà** (KRṢṢṢA SARPA)
74. **Ngật li đán dã nghĩ nễ cát nùng ba ni đán** (KRṢṢṢA AGNI JYOPAVITAM)
75. **Ê hế duệ ma ha phộc la ha mục khư** (EHYEHI MAHÀ VARAHA MUKHA)
76. **Đế li bố la ná ha ni Thấp phộc la** (TRIPURA DAHANE'SVARA)
77. **Na la dã noa** (NARAYANA)
78. **Lỗ ba phộc la** (RUPA VARA)
79. **Vi nga đa lô hê** (VIGATA LOKE)
80. **Nễ la kiến tha** (NĪLAKAṆṬHA)
81. **Hê ma ha ha la ha la** (HE MAHÀ HÀRA HÀRA)
82. **Vĩ sái** (VIṢA)
83. **Nễ thệ đá lỗ ca tả** (NIRJITA LOKAṢYA)
84. **La nga vĩ sái vĩ na xá ná** (RĀGA VIṢA VINA'SANA)
85. **Nễ vĩ sái** (DVIṢA VIṢA)
86. **Vĩ na xá ná** (VINA'SANA)
87. **Mô hạ vĩ sái vĩ ná xá na** (MOHA VIṢA VINA'SANA)
88. **Hộ lỗ hộ lỗ** (HURU HURU)
89. **Ma la ha lỗ** (MAHÀ HURU)
90. **Ha lệ ma ha bả ná ma na bá** (HĀRE MAHÀ PADMA NĀBHA)
91. **Sa la sa la** (SARA SARA)
92. **Đồ li đồ li** (SIRI SIRI)
93. **Tổ lỗ tổ lỗ** (SURU SURU)
94. **Một hưởng một hưởng, mạo đà dã mạo đà dã** (MURU MURU_ BUDDHYA BUDDHYA)
95. **Mạo đà dã đế** (BODDHAYATE)
96. **Nễ la kiến tha** (NĪLAKAṆṬHA)
97. **Ê hế duệ hế** (EHYEHI)
98. **Phộc** (VA)
99. **Ma hạ tất tha đá** (MAHÀ STHITA)
100. **Hạ mục kha** (HA MUKHA)
101. **Hạ sa hạ sa** (HASA HASA)
102. **Muộn giả muộn giả** (MUMCA MUMCA)
103. **Ma ha tra tra Ha tăng** (MAHÀ ṬĀṬA HASAM)

104. **Ế hế duệ hế** (EHYEHI)
105. **Bộ** (PAM)
106. **Ma ha tất đà dụ nghệ Thấp phộc la** (MAHÀ SIDDHA YOGE'SVARA)
107. **Bá noa bá noa phộc chế** (SAṆA SAṆA VACE)
108. **Sa đà sa đà dạ vĩ niệ**m (SÀDHA SÀDHAYA VIDYA)
109. **Sa ma la, Sa ma la** (SMARA SMARA)
110. **Đam bà nga vãn đạ**m (TÀM_ BHAGAVAM 'SAM)
111. **Lô chỉ đá** (LOKITA)
112. **Vĩ lộ cát đạ**m (VILOKITAM)
113. **Đá tha nghiệ**t đạm (TATHÀGATAM)
114. **Ná na tứ mê** (DADÀ HÌME)
115. **Nại xả ná** (DAR'SANA)
116. **Ca ma tả** (KÀMAṢYA)
117. **Nại lệ xá nẫ**m (DAR'SANAM)
118. **Bát la ha la** (PRAHARA)
119. **Ná gia ma nẫ**m Sá phộc ha (DÀYA MANA_ SVÀHÀ)
120. **Tất đà gia Sa phộc ha** (SIDDHÀYA_ SVÀHÀ)
121. **Ma ha tất đà Sa phộc ha** (MAHÀ SIDDHÀYA_ SVÀHÀ)
122. **Tất đà dụ nghệ Thấp phộc la gia Sa phộc ha** (SIDDHA YOGE'SVARÀYA_ SVÀHÀ)
123. **Nễ la kiến tha gia, Sa phộc ha** (NÌLAKAṆṬHÀYA_ SVÀHÀ)
124. **Phộc ha phộc la hạ mục khư gia, Sa phộc ha** (VAHA VARAHA MUKHÀYA_ SVÀHÀ)
125. **Ma ha ma ha ná la Tăng hạ mục khư gia, Sa phộc ha** (MAHÀ MAHÀ DHÀRA SIMHA MUKHÀYA_ SVÀHÀ)
126. **Tất đà vĩ nễ đả đà la gia, Sa phộc ha** (SIDDHA VIDYADHÀRÀYA_ SVÀHÀ)
127. **Bát ná ma hạ tất đá gia Sa phộc hạ ngậ lệ sắt noa. Tát bà ngậ lệ đản đả. Ngĩ nễ dụ bả vĩ đá đả, Sa phộc ha** (PADMA HASTÀYA SVÀHÀ_ KṚṢṆA SARPA KṚTVAYA AGNI JYOPAVITÀYA SVÀHÀ)
128. **Ma ha la cú tra đà la đả, Sa phộc ha** (MAHÀ LAKUṬA DHÀRÀYA_ SVÀHÀ)
129. **Giả yết la dụ đà gia Sá phộc ha** (CAKRA YUDHÀYA_ SVÀHÀ)
130. **Thương khư nhiệ**p đà nễ, bộ đà ná gia Sá phộc ha ('SAṆKHA 'SADHDANI BODDHA NÀYA_ SVÀHÀ)
131. **Ma ma** (Thọ trì) **tắc kiến đà nê sa tất thể đản** (MAMA... SKANDA VIṢA STHITA)
132. **Ngậ lệ sắt noa nhẫ**n ná gia Sa phộc ha (KṚṢṆA JINÀYA_ SVÀHÀ)
133. **Di già la chiế**t ma nễ (VYAGHRA CAMANI)
134. **Phộc** (VA)
135. **Tát ma tất đê** (SARVA SIDDHE)

136. **Thấp phộc la gia Sa phộc ha** ('SVARÀYA_ SVÀHÀ)
137. **Ná mộ bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)
138. **A lị gia phộc la chỉ đế thấp phộc la gia** (ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA)
139. **Mạo địa tát đá phộc gia** (BODHISATTVÀYA)
140. **Ma ha tát đá phộc gia** (MAHÀ SATTVÀYA)
141. **Ma ha ca gia** (MAHÀ KÀYA)
142. **Tát diện đô minh** (SIDDHYANTU ME)
143. **Đát la bá na gia, Sa phộc ha** (MANTRA PADÀYA_ SVÀHÀ)

Hai tay Định Tuệ dâng Châu man (Tràng hạt). Gia trì 7 biến xong, nâng lên trên đỉnh đầu. Lại để ngang trái tim, trú bền chắc ở ĐẲNG DẪN (Samàdhi) rồi niệm tụng. Hơi động đầu lưỡi, hợp môi răng. Thân thuận ngược, quán tướng tốt. Bốn thời siêng tu chẳng gián đoạn, lấy ngàn trăm làm giới hạn. Lại vượt qua tất cả Thần Thông và Phước Trí. Đời hiện tại ngang bằng với BIẾN CHIẾU TÔN (Vairocana).

Hành giả niệm tụng phần hạn xong rồi, nâng tràng hạt trên đỉnh đầu phát khởi ĐẠI NGUYỆN. Sau đó kết TAM MA ĐỊA ẤN nhập vào PHÁP GIỚI THỂ TÍNH TAM MUỘI. Nên tập BỐ TỰ, chuyển ĐÀ LA NI.

Các Pháp vốn chẳng sinh
 Tự tính lìa ngôn thuyết
 Thanh tịnh không cấu nhiễm
 NHÂN NGHIỆP bằng hư không
 Chuyển lại suy tư kỹ
 Chữ chữ ngộ chân thật
 Trước sau tuy sai biệt
 Sở chứng đều gom Một
 Chẳng bỏ Tam Muội này
 VÔ TRỤ VÔ DUYÊN BI
 Nguyện khắp các hữu tình
 Như TA không có khác

Hành giả từ TAM MUỘI xuất ra liền kết CĂN BẢN ẤN, tụng BẢN MINH 7 biến. Lại dùng sự cúng dường lớn. Đức Phật dùng âm từ màu nhiệm xứng dương khen ngợi, hiến nước Ứ GIÀ.

Dùng GIÁNG TAM THỂ ẤN chuyển bên phải để giải giới.
 Ấn liền kết KIM CƯƠNG GIẢI THOÁT ẤN phụng tụng Chư Thánh
 Y theo sám hối lúc trước, khải bạch Thánh giả, phát tâm nguyện xong.

_ Tiếp, liền KHIỂN ẤN

Dem CĂN BẢN ẤN lúc trước từ rốn đến mặt mới buông tán. Chắp tay ở trên đỉnh đầu, tưởng QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI quay trở lại BẢN CUNG. Tụng Chân Ngôn này là:

“Án – Bạt nhật la bát ná ma dục”

ॐ वज्र पद्म मुः

OM - VAJRA PADMA MUH

Phát khiển Bản Tôn xong, tùy ý phát nguyện, lại dùng GIÁP ẤN hộ thân, dùng MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG GIỚI ẤN lúc trước chuyển bên trái để giải giới rồi tùy ý kinh hành đi đến nơi trong sạch dùng hương hoa nghiêm trì. Đọc tụng kinh Đại Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm, kinh Niết Bàn, kinh Lăng Già ... đi, đứng, ngồi, nằm, thường niệm Bản Tôn đừng để gián đoạn.

Nếu có chúng sinh gặp kinh giáo này. Ngày đêm 4 thời tinh tiến tu tập thì đời này chứng được HOAN HỠ ĐỊA, sau 16 đời thành Chính Giác.

Hướng theo điều đã dịch, lược nơi câu cú mà tùy thuộc nói ĐÀ LA NI như vậy. Mỗi một chữ chứa đủ 8 vạn Tạng Tu Đa La, vô lượng trăm ngàn TUYỂN ĐÀ LA NI. Mỗi một môn đều nói chân tướng của chân như thâm sâu.

Đây là dùng sự lưu truyền hiếm có của nhiều đời mà diễn thích. Lại dùng điều chẳng giải CHÂN NGÔN mà dùng được GIA BỊ nên gọi chung là CHÚ. BÁT (不) cũng là PHI (非) nên nói ĐÀ LA NI hoặc CHÂN NGÔN, hay nói là MINH VƯƠNG, có thật nhiều HIỆU. Nói thẳng là CHÚ tức là CHÚ TRỐ có sự khác biệt thế nào? Đây tức là sự ngộ nhận (sai lầm) của phiên dịch. Lại xưng là điều trao truyền mà hy vọng là không có tội ư!

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN DIỆU THÂN ĐẠI BI BẢO TRÀNG ĐÀ LA NI

1. **Ná mô la dát nẳng dát la dạ gia (NAMO RATNATRÀYÀYA)**
2. **Ná mô A di đá bà dã (NAMO AMITÀBHAYA)**
3. **Đá tha nga đá gia (TATHÀGATÀYA)**
4. **La ha đế tam miệu tam bôt đà dã (ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA)**
5. **Ná ma A lợi gia phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã, mạo đề tát dát phộc dã, ma ha tát dát phộc dã, ma ha ca lô ni ca dã (NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATTVÀYA _ MAHÀ SATTVÀYA_ MAHÀ KARUṆIKÀYA)**
6. **Na mô ma ha tát tha ma dã bát la bát đá dã, mạo đề tát dát phộc dã (NAMAḤ MAHÀ STHAMAPRAPTÀYA BODHISATTVÀYA)**
7. **Ma ha tát dát phộc dã, ma ha ca lô ni ca dã (MAHÀ SATTVÀYA_ MAHÀ KARUṆIKÀYA)**
8. **Na mô bà nga phộc đế (NAMO BHAGAVATE)**
9. **Vĩ bố la vĩ ma na tô bát la đế sất sỉ đá tăng khế dã (VIPÙLA VIMANA SUPRATIṢṬA SUMGHYA)**
10. **Tổ lệ dã xả đá sa ha Sa la đế lệ ca (SURYA 'SATA SAHASRA ATREKA)**
11. **Bát la bá phộc bá tát đá mậu lật đá duệ (PRABHAVA BHASITA AMṚTAYE)**
12. **Ma ha ma ni ma củ tra (MAHÀ MAṆI MAKUṬA)**

13. **Quân noa la đà lị ni bà nga phộc đế** (KUNḌALINI BHAGAVATE)
14. **Bát ná ma bả noa duệ** (PADMAPĀṆIYE)
15. **Tát phộc tát đá phộc** (SARVA SATTVA)
16. **Bả lị mê giả na dã** (PARIMOCANAYA)
17. **Đá nễ dã tha, ÁN** (TADYATHÀ : OM)
18. **Bộ lị bộ phộc** (BHURÙ BHÙVAḤ)
19. **Ma ha ca la noa** (MAHÀ KARANA)
20. **Tát đá ma đễ nhĩ la bà tra la** (ATMA STIMIRA PAṬARA)
21. **Ma nhật la** (VAJRA)
22. **Vĩ na xả ná ca la dã la nga ná mặt sa ma ha mô hạ nhạ la xả ma ca**
(VINA'SANA KĀRĀYA_ RĀGA DVAIṢA MAHÀ MOHA JĀLA 'SAMAKA)
23. **Xả sa ca** ('SASAKA)
24. **Lộ ngật sai ca tát ma bả dã nậu khư nập nga đễ** (ROKṢAKA SARVA PĀYA DUḤKHA DURGATI)
25. **Bát la bát la xả ma na ca la dã. Tát phộc đá tha nga đá sa ma phộc đà na ca la**
(PRA PRA'SAMANA KĀRĀYA_ SARVA TATHĀGATA SAMA BANDHA KĀRA)
26. **Tát phộc xá bả lị bổ la ca** (SARVA 'SAPARIPURAKA)
27. **Tát phộc tát đá phộc sa ma xá phộc sa ca la** (SARVA SATTVA SAMA SVASAKARA)
28. **Y hê duệ hê** (EHYEHI)
29. **Ma ha mạo địa tát đá phộc** (MAHÀ BODHISATTVA)
30. **Ma la ná bả na ma lộ ca bộ đà** (VARADA PADMA LOKA BHŪTA)
31. **Ma ha ca lộ ni ca** (MAHÀ KĀRUṆIKA)
32. **Nhược tra ma** (JAṬA MAKUṬA)
33. **Lăng ngật lị đá** (LUMKṚTA)
34. **Thủy la đồ** ('SARIRA)
35. **Ma ni ca na ca la nhạ đá ma nhật la** (MAṆI KANAKA RĀJATA VAJRA)
36. **Vĩ sân nan gia lăng ngật lị đá** (VIBHINDHĀYA LUMKṚTA)
37. **Xả lị la dã** ('SARIRĀYA)
38. **A nhĩ đá bà thị ca na ma ha ma la lăng ngật lị đá** (AMITABHA JINAKA MAHÀ MĀLA LUMKṚTA)
39. **Bát la ná la na lị** (PRANARA NĀRI)
40. **Ma ha nhạ na xả đá sa ha sa la** (MAHÀ JANA 'SATA SAHASRA)
41. **Tỳ la sử đá ca dã** (AVĪRA ṢITAKĀYA)
42. **Ma ha mạo đề tát phộc vĩ đà ma vĩ đà xả dã vĩ na xả dã** (MAHÀ BODHISATTVA VIDHAMA VIDHA'SAYA VIDHA'SAYA)
43. **Ma ha diễn đá la ngật lệ xả** (MAHÀ YANTRA KLE'SA)
44. **Ca phộc tra phộc ma đà tăng sa la khư la ca bát la ma tha na**
(KAVAṬABHA MARDHA SUṢSARA CALAKA PRAMARTHANA)

45. **Bổ lỗ sa bát ná ma bổ lỗ sa na nga** (PURUṢA PADMA PURUṢA NĀGA)
46. **Bổ lỗ sa nga la** (PURUṢA SĀGRA)
47. **Mạt la vi nhạ dã** (MARA VIJAYA)
48. **Vi la nhạ tố nan đá** (VIRAJA SUTANTA)
49. **Đá lị vật lị đá** (PRVṚTA)
50. **Ná ma sa ma sa ma** (DAMA SAMA SAMA)
51. **Độ lỗ độ lỗ bát la xá sa dã, bát la xá sa dã** (DHURU DHURU PRA'SASAYA PRA'SASAYA)
52. **Kỳ lị kỳ lị, vĩ lị vĩ lị** (GIRI GIRI VIRI VIRI)
53. **Chỉ lị chỉ lị, mẫu lỗ mẫu lỗ** (CILI CILI MURU MURU)
54. **Tất mẫu dữu** (SAMUYU)
55. **Môn giả môn giả bà nga phộc na lị gia** (MUÑCA MUÑCA_ BHAGAVAN ARYA)
56. **Phộc lộ chỉ đế xả phộc la** (AVALOKITE'SVARA)
57. **Lạc khất sai ma ma (Thọ trì) tát phộc tát đá phộc nan giả** (RAKṢA MAMA..... SARVA SATTVANAMCA)
58. **Tát phộc bà duệ tỳ dã** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
59. **Độ na độ na** (DHUNA DHUNA)
60. **Vĩ độ na vĩ độ na** (VIDHUNA VIDHUNA)
61. **Độ lỗ độ lỗ nga dã** (DHURU DHURU GAYA)
62. **Nga đà dã nga đà dã** (GADAYA GADAYA)
63. **Ha la hạ la** (HÀRA HÀRA)
64. **Bát la hạ sa Bát la hạ sa** (PRAHASA PRAHASA)
65. **Vĩ đà ngật lệ xả phộc sa na** (VIDHA KLE'SA VĀSANA)
66. **Ma ma (Thọ trì) hạ la hạ la** (MAMA.... HÀRA HÀRA)
67. **Tăng hạ la độ lỗ trí độ lỗ trí** (SAṂHĀRA DHURUṬI DHURUṬI)
68. **Ma ha man noa la chỉ la noa** (MAHĀ MAṆḌALA KĪRAṆA)
69. **Xả đá bát la tế ca phộc bà sa** ('SATA PRASEKA AVABHASA)
70. **Vĩ vĩ sa xả ma ca** (VIVISA'SAMAKA)
71. **Ma ha mạo đề tát đá phộc** (MAHĀ BODHISATTVA)
72. **Phộc la đà Sa phộc ha** (VARADA SVĀHĀ)

_ Thời KHOAN DIÊN thứ hai, mùa thu tháng 7, ngày lúa chín. Xem xét Kinh này xong và truyền chép chẳng thiếu. Hy vọng Bậc Hiền đời sau xét định.

Lại nhờ hai Vị Thầy thỉnh về.

KIM CƯƠNG THỪA – VÔ ĐẲNG

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/03/2011